

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST

Ngày 16 - 11 - 2018

V/v tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tạo

2. Ông Hoàng Công Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-KDTM ngày 20/8/2018, về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-KDTM ngày 17/10/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại H.

Địa chỉ: Số 47 đường F325, phường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Tiến D - Giám đốc.

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải hành khách H1.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Tiến D1 - Giám đốc.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại H (gọi tắt là Công ty H) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải hành khách H1 (gọi tắt là Công ty H1) cùng nhau

ký kết Hợp đồng kinh tế số: 01/HĐKT ngày 02/01/2018 về việc mua bán hàng hóa là xi măng và thép xây dựng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, đơn giá của hàng hóa sẽ được các bên thống nhất tại từng thời điểm đặt hàng; hàng sẽ được giao ở trụ sở Công ty xây dựng T - Tổng công ty xây dựng S, có địa chỉ tại Thôn 15, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực. Hai bên thống nhất trong tháng có thể thanh toán tiền hàng nhiều lần tuy nhiên mức dư nợ tại mọi thời điểm đều không được vượt quá 20.000.000 đồng; đến ngày cuối tháng, hai bên phải tiến hành đối chiếu công nợ và bên Công ty H1 phải thanh toán cho bên Công ty H toàn bộ tổng giá trị số lượng hàng đã nhận.

Thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết, từ ngày 24/01/2018 đến ngày 08/02/2018, Công ty H đã cung cấp hàng đúng số lượng và chất lượng theo yêu cầu của Công ty H1 với tổng giá trị tiền hàng là 281.275.800 đồng, nhưng Công ty H1 đã không thực hiện đúng cam kết tại hợp đồng về việc thanh toán tiền hàng. Cụ thể, Công ty H1 chỉ mới thanh toán cho Công ty H số tiền hàng là 50.000.000 đồng. Số tiền hàng còn lại là 231.275.800 đồng đến thời điểm hiện tại Công ty H1 vẫn chưa thanh toán. Mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở và liên hệ cho Công ty H1 bằng nhiều hình thức để yêu cầu Công ty H1 thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ Công ty H nhưng Công ty H1 vẫn cố tình chây lỳ, trốn tránh không hợp tác. Vì vậy, Công ty H khởi kiện yêu cầu buộc Công ty H1 phải thanh toán số tiền nợ mua hàng hóa cho Công ty H là 231.275.800 đồng. Công ty H không yêu cầu Công ty H1 phải thanh toán tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ đến thời điểm xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho đại diện phía bị đơn là ông Đinh Tiến D1 - Giám đốc Công ty H1 - nhưng ông D1 không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Đ và tại Công an phường Đ cho thấy: Ông D1 hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố 2, phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nhưng hiện ông D1 không có mặt tại địa phương, gia đình không rõ ông D1 hiện nay đang ở đâu và làm gì. Tình trạng hoạt động của Công ty H1 như thế nào chính quyền địa phương cũng không nắm được.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 01/11/2018, trước đó đã niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông D1, tuy nhiên, do ông D1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập ông D1 đến phiên tòa lần thứ hai vào ngày 16/11/2018, đã niêm yết công khai Giấy triệu tập đến phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông D1, nhưng tại phiên tòa ông D1 vẫn tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị đơn tiếp tục vắng mặt, tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để phía bị đơn biết đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt đại diện bị đơn.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty H. áp dụng các Điều 117, 351, 398 và 401 Bộ luật Dân sự; Điều 24 Luật Thương mại: Buộc Công ty H1 phải thanh toán số nợ còn lại là 231.275.800 đồng cho Công ty H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H1 phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT ngày 02/01/2018 mà hai bên đã ký kết, đây là tranh chấp giữa hai Công ty trong hoạt động mua bán xi măng và thép xây dựng, do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 430 Bộ luật Dân sự và Điều 24 Luật Thương mại.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty H1 có trụ sở tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Về sự vắng mặt của đại diện bị đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cần thiết cho bị đơn, tuy nhiên, các buổi làm việc tại Tòa án chỉ có nguyên đơn có mặt. Qua xác minh tại Công an phường Đ, thị xã B và UBND phường Đ cho thấy đại diện bị đơn không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì cũng không báo với chính quyền địa phương biết. Phía nguyên đơn cũng khẳng định đại diện bị đơn cũng không thông báo việc rời khỏi địa chỉ cư trú cũng như không cung cấp địa chỉ cư trú mới cho bị đơn biết. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp

này phía bị đơn đã cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, xác định Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần nhưng đại diện bị đơn - ông Đinh Tiến D1 - vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông D1.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Công ty H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty H1 phải thanh toán số tiền 231.275.800 đồng mà Công ty H1 còn nợ Công ty H.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT ngày 02/01/2018 đã ký kết giữa Công ty H và Công ty H1 về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo quy định tại các Điều 116, 117, 398, 430 Bộ luật Dân sự và Điều 24 Luật Thương mại, do đó, phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên theo các nội dung đã thỏa thuận khi giao kết. Theo giao kết, Công ty H đồng ý bán cho Công ty H1 xi măng và thép xây dựng đúng chủng loại và chất lượng. Công ty H1 có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho Công ty H có thể thanh toán nhiều lần trong tháng tuy nhiên mức dư nợ tại mọi thời điểm đều không được vượt quá 20.000.000 đồng; đến ngày cuối tháng hai bên phải tiến hành đối chiếu công nợ và Công ty H1 phải thanh toán cho Công ty H tổng giá trị số lượng hàng đã nhận. Trên thực tế, trong thời gian từ ngày 24/01/2018 đến ngày 08/02/2018, Công ty H đã cung cấp xi măng và thép xây dựng các loại đúng số lượng, chất lượng theo yêu cầu của Công ty H1, nhưng khi thực hiện hợp đồng thì Công ty H1 đã vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán đầy đủ và dứt điểm từng tháng cho Công ty H. Cụ thể: Tiền mua hàng ngày 24/01/2018 là 234.523.800 đồng, chỉ mới thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 184.523.800 đồng; nợ tiền mua hàng ngày 25/01/2018 là 14.200.000 đồng; nợ tiền mua hàng ngày 08/02/2018 là 32.552.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mua hàng Công ty H1 còn nợ chưa thanh toán cho Công ty H là 231.275.800 đồng. Việc không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng đã cam kết tại Hợp đồng của Công ty H1 đã vi phạm theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự và các Điều 50 Luật Thương mại. Do đó, Công ty H khởi kiện yêu cầu buộc Công ty H1 phải thanh toán toàn bộ số tiền hàng còn nợ nêu trên là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, Công ty H đều không yêu cầu Công ty H1 phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ khi Công ty H1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến tại thời điểm mở phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với vấn đề này.

[3] Về án phí:

Công ty H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Công ty H.

Công ty H khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 24, 50 Luật Thương mại; các Điều 116, 117, 351, 398, 401, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/HĐTP ngày 05/5/2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải hành khách H1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại H: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải hành khách H1 phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại H số tiền 231.275.800 đồng (*Hai trăm ba mươi một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm đồng*).

3. Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải hành khách H1 phải nộp 11.563.790 đồng (*Mười một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại H số tiền tạm ứng án phí 5.781.895 đồng (*Năm triệu bảy trăm tám mươi một nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng*) mà Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại H đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002264 ngày 17 tháng 8 năm 2018.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án để trả cho bên được thi hành án, mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Đối với người có mặt) hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án (Đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tạo Trần Xuân Lợi

Nguyễn Xuân Diệu

